

Bản án số: 08/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30-6-2020.

"V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN LŨ - TỈNH HUNG YÊN
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Lũng.

Các hội thẩm nhân dân:

1- Ông: Lương Đình Hiền.

2- Bà: Vũ Thị Toan.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thơm - Thư ký Tòa án.

Đại diện VKSND huyện tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tiên Lũ mở phiên toà xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 48/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2020 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Tuyết M - Sinh năm 1973.

HKTT: Số 7 - đường K - phường Q - thành phố H - tỉnh Hưng Yên.

Nơi ở hiện nay: Số nhà 404 - Chung Cư PH - phường H - thành phố H - tỉnh Hưng Yên.

- **Bị đơn:** Anh Lương Anh T - Sinh năm 1983.

HKTT: Thôn A - xã N - huyện T - tỉnh Hưng Yên.

Hiện đang bị tạm giam tại: Nhà tạm giữ Công an thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

- **Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Cháu Lương Thị Mai A - Sinh ngày 16/7/2016.

+ Cháu Lương Thị Khánh L - Sinh ngày 22/10/2017.

Đều HKTT: Thôn A - xã N - huyện T - tỉnh Hưng Yên.

Nơi ở hiện nay: Số nhà 404 - Chung Cư PH - phường H - thành phố H - tỉnh Hưng Yên.

- **Những người đại diện theo pháp luật cho cháu Mai A và cháu L:** Chị Nguyễn Thị Tuyết M và anh Lương Anh T.

- **Những người làm chứng:**

+ Bà Đoàn Thị T - Sinh năm 1960 (mẹ đẻ anh T); Trú tại: Thôn A - xã N - huyện T - tỉnh Hưng Yên.

+ Bà Nguyễn Thị C - Sinh năm 1950 (mẹ đẻ chị M); Trú tại: Số 125, phường Q, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết M trình bày: Chị và anh Lương Anh T, sinh năm 1983 trú tại: Thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Hưng Yên là hai người khác địa phương kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Q, thành phố H, tỉnh Hưng Yên vào ngày 21/6/2015. Do trước khi đăng ký kết hôn với anh T, chị đã có kết hôn với một người đàn ông khác và đã ly hôn nên sau khi chị và anh T đăng ký kết hôn thì không được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng bàn bạc và thống nhất thuê nhà tại phường Q, thành phố H, tỉnh Hưng Yên làm ăn sinh sống. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 11/2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chính là do anh T thường xuyên chơi bời không chịu tu trí làm ăn và không quan tâm gì đến gia đình, đến năm 2017 thì chị được biết anh T có việc làm ăn phi pháp ngoài xã hội, mặc dù chị đã khuyên bảo anh T thay đổi nhưng không nghe mà còn chửi đánh đập chị và xúc phạm đến cả gia đình bố, mẹ đẻ chị, từ đó vợ chồng hay xảy ra bất đồng trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, trong làm ăn kinh tế và nuôi dạy con chung. Tuy nhiên nghĩ đến hạnh phúc gia đình và các con chung bản thân chị đã khắc phục chịu đựng để vợ chồng hàn gắn tình cảm, xây dựng hạnh phúc gia đình, chăm sóc con chung nhưng không được. Bên cạnh đó thì giữa chị và mẹ đẻ anh T không hợp nhau nên cũng thường xuyên xảy ra bất đồng quan điểm giữa mẹ chồng và nàng dâu, trong những lúc chị và anh T xảy ra mâu thuẫn thì mẹ chồng chị không khuyên bảo mà còn bênh vực anh T và thúc ép chị để bỏ anh T. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài và ngày càng căng thẳng nên đến khoảng tháng 11/2017 thì anh T bỏ về gia đình bố mẹ đẻ ở thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Hưng Yên làm ăn sinh sống và vợ chồng sống ly thân nhau. Tháng 5 năm 2019 chị cũng đã làm đơn xin ly hôn với anh T gửi Tòa án nhân dân huyện Tiên Lữ giải quyết. Sau đó được Tòa án hòa giải nghĩ đến các con chung nên chị lại rút đơn và Tòa án đã ra Quyết định đình chỉ việc giải quyết vụ án giữa chị và anh T. Sau khi chị rút đơn về thì vợ chồng lại vẫn tiếp tục xảy ra mâu thuẫn nên không về chung sống đoàn tụ mà vợ chồng vẫn sống ly thân nhau từ đó cho đến nay, từ khi vợ chồng sống ly thân nhau thì không ai quan tâm đến ai, kinh tế vợ chồng hoàn toàn độc lập. Đến ngày 27/02/2020 thì anh T bị Công an thành phố H, tỉnh Hưng Yên bắt để tạm giam về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và hiện nay anh T đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn, hạnh phúc gia đình không đạt được và không thể kéo dài thêm được nữa. Chị kiên quyết đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên giải quyết cho chị được ly hôn với anh T để chị sớm được ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Quá trình chung sống chị xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Lương Thị Mai A, sinh ngày 16/7/2016 và cháu Lương Thị Khánh L, sinh ngày 22/10/2017. Hiện nay cả hai cháu đang ở cùng với chị. Quan điểm của chị nếu vợ chồng ly hôn chị xin được tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cả hai con chung đến tuổi thành niên, chị tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị.

- Về tài sản chung, Công nợ; Công sức; Ruộng canh tác: Chị và anh T sẽ tự thỏa thuận giải quyết với nhau, chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án do anh T hiện đang bị bắt để tạm giam về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành

phố H, tỉnh Hưng Yên nên Tòa án không tiến hành triệu tập anh T và chị M có mặt tại Tòa án để tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về quan hệ vợ chồng, con chung và tài sản chung, công nợ, công sức, ruộng canh tác được. Ngày 28/5/2020 Tòa án nhân dân huyện Tiên Lữ phối kết hợp với Công an thành phố H, tỉnh Hưng Yên để tiến hành xác minh lấy lời khai theo quy định của pháp luật đối với anh T tại Nhà tạm giữ Công an thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

*Theo lời khai của bị đơn anh Lương Anh T trình bày:

Anh xác định lời khai của chị M về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian vợ chồng mâu thuẫn và nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn như chị M khai là đúng. Nay chị M có đơn xin ly hôn anh và đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên giải quyết, anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị M vẫn còn, anh mong muốn chị M suy nghĩ lại để vợ chồng về đoàn tụ nuôi dạy con chung. Trong trường hợp chị M vẫn kiên quyết xin ly hôn thì anh cũng nhất trí.

- Về con chung: Quá trình chung sống anh cũng xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Lương Thị Mai A, sinh ngày 16/7/2016 và cháu Lương Thị Khánh L, sinh ngày 22/10/2017. Hiện nay cả hai cháu đang ở cùng với chị M. Quan điểm của anh nếu vợ chồng ly hôn do hiện nay anh đang bị tạm giam nên anh nhất trí giao chị M được tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cả hai con chung đến tuổi thành niên, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị M.

- Về tài sản chung, Công nợ; Công sức; Ruộng canh tác: Anh và chị M sẽ tự thỏa thuận giải quyết với nhau, anh nhất trí tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện hiện nay anh đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố H, tỉnh Hưng Yên nên không thể có mặt tại Tòa án để giải quyết, xét xử theo yêu cầu triệu tập của Tòa án được. Vì vậy anh đề nghị Tòa án xem xét giải quyết, xét xử vắng mặt anh theo quy định của pháp luật.

* Ngày 04 tháng 5 năm 2020 Tòa án tiến hành lấy lời khai của bà Nguyễn Thị C (là mẹ đẻ của chị M) và bà Đoàn Thị T (là mẹ đẻ của anh T) để xác minh về quan hệ vợ chồng của anh, chị được bà C và bà T cung cấp:

- Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khi phát sinh mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng sống ly thân nhau như chị M khai là đúng. Trong cuộc sống vợ chồng do anh T chơi bời và làm ăn phi pháp ngoài xã hội, không nghe lời khuyên của gia đình nên đến ngày 27/02/2020 thì anh T bị Công an thành phố H, tỉnh Hưng Yên bắt để tạm giam về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và hiện nay anh T đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Nay chị M có đơn xin ly hôn anh T và đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên giải quyết, các bà cũng xác định tình cảm vợ chồng giữa anh T và chị M không còn, hạnh phúc gia đình không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ lâu, các bà đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tiên Lữ giải quyết cho chị M và anh T được ly hôn.

- Về con chung: Các bà cũng xác định trong quá trình anh T và chị M chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Lương Thị Mai A, sinh ngày 16/7/2016 và cháu Lương Thị Khánh L, sinh ngày 22/10/2017. Hiện nay cả hai cháu đang ở cùng với chị M. Quan điểm của bà C nếu vợ chồng anh T và chị M ly hôn bà đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng

của chị M, còn quan điểm của bà T đề nghị Tòa án giao anh T và chị M mỗi người nuôi một cháu.

- Về tài sản chung; Công nợ; Công sức và ruộng canh tác: Các bà đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh T và chị M.

* Ngày 25/5/2020 Tòa án tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương về tình trạng hôn nhân của anh, chị được địa phương cung cấp:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị M là hai người khác địa phương kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương mà chỉ được chính quyền địa phương cấp xác nhận tình trạng hôn nhân của anh T vào tháng 6/2015 để anh T và chị M đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại phường Q, thành phố H, tỉnh Hưng Yên và không được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi đăng ký kết hôn anh T và chị M không sinh sống tại địa phương mà chỉ về thăm bố, mẹ anh T song lại về thành phố H làm ăn sinh sống và cho đến cuối năm 2017 thì anh T về ở cùng với bố mẹ đẻ ở thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Hưng Yên. Theo địa phương được biết thì nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng có sự chênh lệch nhau về tuổi nên hay xảy ra bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng vì trước đây chị M đã làm đơn xin ly hôn với anh T đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tiên Lữ giải quyết, sau đó được Tòa án hòa giải nên chị M lại rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ nhưng mâu thuẫn vợ chồng lại vẫn tiếp tục xảy ra. Đến ngày 27/02/2020 thì anh T bị Công an thành phố H, tỉnh Hưng Yên bắt để tạm giam về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và hiện nay anh T đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Nay chị M có đơn xin ly hôn anh T và đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tiên Lữ giải quyết. Quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án tiến hành xác minh và căn cứ vào lời khai của các đương sự để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Địa phương xác định quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Lương Thị Mai A, sinh ngày 16/7/2016 và cháu Lương Thị Khánh L, sinh ngày 22/10/2017. Quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

+ Về tài sản chung; Công nợ; Công sức: Địa phương không nắm được đề nghị Tòa án xác minh và giải quyết theo quy định của pháp luật.

+ Về ruộng canh tác: Giữa anh T và chị M không có gì liên quan với nhau.

Tại phiên tòa hôm nay: Chị M giữ nguyên quan điểm xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn, hạnh phúc gia đình không đạt được và không thể kéo dài thêm được nữa. Chị kiên quyết đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tiên Lữ giải quyết cho chị được ly hôn với anh T để chị sớm được ổn định cuộc sống. Về con chung: Chị xác định quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Lương Thị Mai A, sinh ngày 16/7/2016 và cháu Lương Thị Khánh L, sinh ngày 22/10/2017. Quan điểm của chị nếu vợ chồng ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cả hai con chung đến tuổi thành niên, chị tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Về tài sản chung; Công sức; Công nợ; Ruộng canh tác: Chị tự nguyện không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh T vắng mặt tại phiên tòa có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án thẩm phán thụ lý vụ án đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn và người làm chứng tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Đề xuất của Kiểm sát viên:

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị Tuyết M được ly hôn với anh Lương Anh T.

- Về con chung: Đề nghị giao các con chung của vợ chồng là cháu Lương Thị Mai A, sinh ngày 16/7/2016 và cháu Lương Thị Khánh L, sinh ngày 22/10/2017 cho chị M được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị M không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị M. Anh T được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung; Công nợ; Công sức; Ruộng canh tác: Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị M phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tuyết M và anh Lương Anh T là hai người khác địa phương kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Q, thành phố H, tỉnh Hưng Yên vào ngày 21/6/2015. Hôn nhân của anh chị là hôn nhân hoàn toàn hợp pháp và được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 11 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn.

Theo các tài liệu chứng cứ thu thập được thì nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh T là do anh T thường xuyên chơi bời và làm ăn phi pháp ngoài xã hội, từ đó vợ chồng hay xảy ra bất đồng quan điểm trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, trong làm ăn kinh tế và nuôi dạy con chung. Tuy nhiên nghĩ đến hạnh phúc gia đình và các con chung chị M đã khắc phục chịu đựng và khuyên bảo anh T thay đổi tính nết để vợ chồng hàn gắn tình cảm, xây dựng hạnh phúc gia đình, chăm sóc con chung, nhưng anh T không nghe mà còn chửi bới đánh đập chị và xúc phạm đến cả gia đình bố, mẹ đẻ chị. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài và ngày càng căng thẳng nên đến tháng 11/2017 thì vợ chồng sống ly thân nhau và đến tháng 5/2019 chị M đã làm đơn xin ly hôn với anh T gửi Tòa án huyện Tiên Lữ giải quyết. Sau đó được Tòa án hòa giải nên chị M đã chủ động xin rút đơn để vợ chồng về chung sống đoàn tụ nuôi dạy con chung và Tòa án đã ra quyết định đình chỉ việc giải quyết vụ án. Mặc dù chị đã nỗ lực hàn gắn tình cảm để vợ chồng về đoàn tụ nhưng tình cảm vợ chồng vẫn

không được cải thiện, vợ chồng vẫn sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Đến ngày 27/02/2020 thì anh T bị Công an thành phố H, tỉnh Hưng Yên bắt để tạm giam về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và hiện nay anh T đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Nay chị M xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn, hạnh phúc gia đình không đạt được cuộc sống chung của vợ chồng không thể kéo dài thêm được nữa, chị kiên quyết đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên giải quyết cho chị được ly hôn với anh T để chị sớm được ổn định cuộc sống. Anh T cũng xác định tình cảm vợ chồng đã dạn nứt nhưng anh vẫn mong muốn chị M suy nghĩ lại để vợ chồng về chung sống đoàn tụ nuôi dạy con chung, nhưng anh không đưa ra phương pháp hay biện pháp gì để cải thiện, hàn gắn tình cảm vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con chung được trưởng thành. Trong trường hợp chị M vẫn kiên quyết xin ly hôn thì anh cũng nhất trí.

Sau khi chị M có đơn xin ly hôn với anh T và đề nghị Tòa án giải quyết. Tòa án nhân dân huyện Tiên Lữ phối kết hợp với Công an thành phố H, tỉnh Hưng Yên tiến hành các hoạt động tố tụng để xác định quan điểm của anh T. Anh T đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và bày tỏ quan điểm nhất trí đối với các yêu cầu của chị M. Nhưng do anh T đang bị tạm giam nên anh đã có quan điểm đề nghị Tòa án xem xét giải quyết, xét xử vắng mặt. Chị M có quan điểm xác định anh T không thể có mặt theo yêu cầu của Tòa án để mở phiên họp việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải về quan hệ vợ chồng, con chung và tài sản chung, công nợ, công sức, ruộng canh tác được, chị đề nghị Tòa án không tiến hành mở phiên họp việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vụ án mà đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật. Do vậy Tòa án không thể tiến hành hòa giải về quan hệ vợ chồng, con chung và tài sản chung, công nợ, công sức, ruộng canh tác được, nhưng theo quy định tại Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ đối với chị M, sau đó Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Như vậy qua phân tích trên Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa hai anh, chị đã phát sinh và kéo dài, không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị M đã đến mức trầm trọng, hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, cần giải quyết cho anh, chị được ly hôn để mỗi người có điều kiện tạo lập cuộc sống mới.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Lương Thị Mai A, sinh ngày 16/7/2016 và cháu Lương Thị Khánh L, sinh ngày 22/10/2017. Quan điểm của chị M nếu vợ chồng ly hôn chị xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung đến tuổi thành niên và tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Quan điểm của anh T cũng nhất trí với quan điểm của chị M vì hoàn cảnh của anh hiện nay đang bị tạm giam nên không có điều kiện chăm sóc và nuôi dưỡng các con chung được. Hội đồng xét xử nhận thấy, cần giao các con chung của vợ chồng là cháu Lương Thị Mai A và cháu Lương Thị Khánh L cho chị M được tiếp tục, trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp. Chấp nhận sự tự nguyện của chị M không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Anh T được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung; Công sức; Công nợ; Ruộng canh tác: Cả hai anh chị đều tự nguyện không yêu cầu giải Tòa án giải quyết. Xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự nên không đặt ra giải quyết.

[4] Án phí: Chị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định tại. Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Tuyết M được ly hôn anh Lương Anh T.

* Con chung: Giao cho chị M được tiếp tục, trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cả hai con chung của vợ chồng là cháu Lương Thị Mai A, sinh ngày 16/7/2016 và cháu Lương Thị Khánh L, sinh ngày 22/10/2017 đến tuổi thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị M không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị, anh T được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

* Tài sản chung; Công sức; Công nợ; Ruộng canh tác: Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Án phí: Chị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0000579 ngày 28 tháng 4 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiên Lữ. Chị M đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

* Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án, hoặc ngày niêm yết bản sao bản án.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA - TAND tỉnh;
- VKS + THA huyện;
- UBND phường Q, thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Tiến Lũng